Phát biêu nào sau đây không đúng với nhóm nướ...

Câu 1 **Câu 1: Phát biểu nào sau đây không đúng với nhóm nước phát triển?**

A. GNI bình quân đầu người cao.

B. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) nhiều.

C. Chỉ số phát triển con người cao.

D. Chiếm tỉ trọng nhỏ trong GDP toàn cầu.

Câu 2 **Câu 2: Khu vực nào sau đây có GNI/người cao nhất?**

A. Đông Á.

B. Trung Đông.

C. Bắc Mỹ.

D. Đông Âu.

Câu 3 **Câu 3: Các nước phát triển có đặc điểm là**

A. GNI bình quân đầu người thấp.

B. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) nhỏ.

C. Chỉ số phát triển con người thấp.

D. Đang chuyển sang nền kinh tế tri thức.

Câu 4 **Câu 4: Các quốc gia đang phát triển thường**

A. Đang đẩy mạnh công nghiệp hóa.

B. Có nền công nghiệp phát triển rất sớm.

C. GNI bình quân đầu người rất cao.

D. Tuổi thọ trung bình của người dân cao.

Câu 5 **Câu 5: Phát biểu nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng các ngành trong cơ cấu nền kinh tế của các nước đang phát triển?**

A. Nông - lâm - ngư có xu hướng giảm.

B. Công nghiệp và xây dựng giảm nhanh.

C. Tỉ trọng dịch vụ có biến động lớn.

D. Nông - lâm - ngư có xu hướng tăng.

Câu 6 **Câu 6: Các nước phát triển phân biệt với các nước đang phát triển ở**

A. Gia tăng tự nhiên dân số rất thấp.

B. Cơ cấu dân số trẻ, lao động đông.

C. Tuổi thọ thấp, tỉ suất tử vong cao.

D. Tốc độ tăng dân số hàng năm lớn.

Câu 7 **Câu 7: Để nâng cao trình độ phát triển kinh tế, các nước đang phát triển hiện nay tập trung đẩy mạnh**

A. Công nghiệp hóa.

B. Đô thị hóa.

C. Xuất khẩu.

D. Dịch vụ.

Câu 8 **Câu 8: Các nước đang phát triển có**

A. Mức sống người dân thấp.

B. Hoạt động nghiên cứu tốt.

C. Phát triển mạnh giáo dục.

D. Phát triển mạnh thông tin.

Câu 9 **Câu 9: Các nước phát triển có**

A. Mức sống của người dân cao.

B. Giáo dục còn nhiều khó khăn.

C. Phát triển thông tin còn chậm.

D. Thành quả nghiên cứu còn thấp.

Câu 10 **Câu 10: Dựa vào các tiêu chí chủ yếu nào sau đây để phân chia thế giới thành các nhóm nước?**

A. Thu nhập bình quân, cơ cấu ngành kinh tế, chỉ số phát triển con người.

B. Thu nhập bình quân, đầu tư ra nước ngoài, chỉ số phát triển con người.

C. Cơ cấu ngành kinh tế, chỉ số phát triển con người, đầu tư ra nước ngoài.

D. Chỉ số phát triển con người, cơ cấu ngành kinh tế và sức mạnh quân sự.

Câu 11 **Câu 11: Chỉ số phát triển con người (HDI) được xác định dựa vào các tiêu chí nào sau đây?**

A. Sức khỏe, học vấn và thu nhập.

B. Sự hài lòng với thực tế cuộc sống.

C. Tuổi thọ trung bình, sự bình đẳng.

D. Tỉ lệ giới tính, cơ cấu của dân số.

Câu 12 **Câu 12: Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa nhóm nước phát triển với đang phát triển là**

A. Thành phần dân tộc và tôn giáo.

B. Quy mô và cơ cấu dân số.

C. Trình độ khoa học - kĩ thuật.

D. Nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Câu 13 **Câu 13: Ở các nước phát triển, lao động chủ yếu tập trung vào ngành nào sau đây?**

A. Công nghiệp.

B. Nông nghiệp.

C. Dịch vụ.

D. Lâm nghiệp.

Câu 14 **Câu 14: Các nước phát triển so với các nước đang phát triển thường có**

A. Tỉ lệ người biết chữ rất thấp.

B. Chỉ số HDI vào loại rất cao.

C. Tỉ lệ gia tăng dân số còn lớn.

D. Tuổi thọ trung bình khá thấp.

Câu 15 **Câu 15: Biểu hiện về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nước đang phát triển không bao gồm**

A. Tăng trưởng kinh tế chưa ổn định.

B. GNI bình quân đầu người thấp.

C. Tập trung chủ yếu ở châu Phi.

D. Chủ yếu có chỉ số HDI chưa cao.

Câu 16 **Câu 16: Nhóm nước phát triển và đang phát triển có sự khác biệt về cơ cấu kinh tế theo ngành do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?**

A. Trình độ phát triển kinh tế.

B. Phong phú về tài nguyên.

C. Sự đa dạng về chủng tộc.

D. Phong phú nguồn lao động.

Câu 17 **Câu 17: Sự thay đổi trong cơ cấu các ngành công nghiệp của nhóm nước phát triển là do yêu cầu**

A. Tạo ra một khối lượng lớn các sản phẩm công nghiệp.

B. Tạo ra những sản phẩm công nghiệp có chất lượng tốt.

C. Tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu và hạn chế ô nhiễm.

D. Cạnh tranh với sản phẩm của các nước đang phát triển.

Câu 18 **Câu 18: Các nước có thu nhập ở mức thấp hiện nay hầu hết đều ở**

A. Châu Âu.

B. Bắc Mỹ.

C. Châu Phi.

D. Bắc Á.

Câu 19 **PHẦN II - Câu 1a: GNI/người là một tiêu chí để đánh giá trình độ phát triển của một quốc gia.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 20 **PHẦN II - Câu 1b: Các nước có GNI/người cao luôn là những nước có chất lượng cuộc sống cao.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 21 **PHẦN II - Câu 1c: Việt Nam là nước đang phát triển nằm trong nhóm nước có thu nhập trung bình thấp.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 22 **PHẦN II - Câu 1d: GNI/người phản ánh mức sống và năng suất lao động của người dân.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 23 **PHẦN II - Câu 2a: Trị giá xuất khẩu toàn thế giới giai đoạn 2000 - 2020 có xu hướng tăng.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 24 **PHẦN II - Câu 2b: Trị giá nhập khẩu của thế giới năm 2015 lớn nhất.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 25 **PHẦN II - Câu 2c: Biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất để so sánh trị giá xuất nhập khẩu thế giới, giai đoạn 2000 - 2020.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 26 **PHẦN II - Câu 2d: Năm 2020, cán cân thương mại của thế giới có giá trị âm.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 27 **PHẦN II - Câu 3a: HDI là một chỉ tiêu phân loại trình độ phát triển giữa các nhóm nước.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 28 **PHẦN II - Câu 3b: Một trong những thước đo trình độ học vấn là số năm đi học của người trên 25 tuổi.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 29 **PHẦN II - Câu 3c: Quốc gia có HDI cao thì thường có tuổi thọ trung bình cao.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 30 **PHẦN II - Câu 3d: Việt Nam là nước đang phát triển nên có thu nhập bình quân đầu người cao do có tốc độ tăng trưởng GDP cao.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 31 **PHẦN II - Câu 4a: CHLB Đức có ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng rất lớn, cao hơn Việt Nam 21,6%.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 32 **PHẦN II - Câu 4b: Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản của CHLB Đức chiếm tỉ trọng nhỏ, thấp hơn Việt Nam hơn 18 lần.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 33 **PHẦN II - Câu 4c: Việt Nam có tỉ trọng ngành công nghiệp và xây dựng thấp hơn CHLB Đức 10,2%.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 34 **PHẦN II - Câu 4d: Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu GDP của CHLB Đức và Việt Nam năm 2020.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 35 **PHẦN I - Câu 1: Toàn cầu hóa là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới không phải về**

A. Kinh tế.

B. Văn hóa.

C. Khoa học.

D. Chính trị.

Câu 36 **PHẦN I - Câu 2: Hệ quả tiêu cực của toàn cầu hóa kinh tế là**

A. Tăng cường sự hợp tác quốc tế nhiều mặt.

B. Đẩy nhanh đầu tư, làm sản xuất phát triển.

C. Gia tăng nhanh khoảng cách giàu nghèo.

D. Thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Câu 37 **PHẦN I - Câu 3: Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực trên thế giới thường được thành lập bởi các quốc gia có**

A. Chung mục tiêu và lợi ích phát triển.

B. Sự phát triển kinh tế - xã hội đồng đều.

C. Tổng thu nhập quốc gia tương tự nhau.

D. Lịch sử phát triển đất nước giống nhau.

Câu 38 **PHẦN I - Câu 4: Toàn cầu hóa kinh tế là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới về**

A. Sản xuất, thương mại, tài chính.

B. Thương mại, tài chính, giáo dục.

C. Tài chính, giáo dục và chính trị.

D. Giáo dục, chính trị và sản xuất.

Câu 39 **PHẦN I - Câu 5: Tác động tích cực của toàn cầu hóa không phải là**

A. Tăng cường sự hợp tác về kinh tế và văn hóa giữa các nước.

B. Đẩy nhanh đầu tư và khai thác triệt để khoa học, công nghệ.

C. Thúc đẩy sản xuất phát triển và tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

D. Thúc đẩy quá trình đô thị hóa tự phát ở nước đang phát triển.

Câu 40 **PHẦN I - Câu 6: Biểu hiện nào sau đây không phải của toàn cầu hóa kinh tế?**

A. Thương mại thế giới phát triển mạnh.

B. Các công ty đa quốc gia có vai trò lớn.

C. Thị trường tài chính quốc tế mở rộng.

D. Các quốc gia gần nhau lập các tổ chức.

Câu 41 **PHẦN I - Câu 7: Biểu hiện của thương mại thế giới phát triển mạnh là**

A. Mạng lưới liên kết tài chính toàn cầu mở rộng toàn thế giới.

B. Đầu tư nước ngoài tăng rất nhanh, nhất là lĩnh vực dịch vụ.

C. Vai trò của Tổ chức Thương mại thế giới ngày càng rất lớn.

D. Các công ti xuyên quốc gia hoạt động với phạm vi rất rộng.

Câu 42 **PHẦN I - Câu 8: Biểu hiện của việc tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn toàn cầu là**

A. Mạng lưới liên kết tài chính toàn cầu được mở rộng.

B. Các tiêu chuẩn thống nhất áp dụng trên nhiều lĩnh vực.

C. Vai trò của Tổ chức Thương mại thế giới ngày càng lớn.

D. Các công ti xuyên quốc gia hoạt động với phạm vi rộng.

Câu 43 **PHẦN I - Câu 9: Một trong những biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế là**

A. Trao đổi học sinh, sinh viên thuận lợi giữa nhiều nước.

B. Tăng cường hợp tác về văn hóa, văn nghệ và giáo dục.

C. Đẩy mạnh hoạt động giao lưu văn hóa giữa các dân tộc.

D. Tiêu chuẩn toàn cầu ngày càng được áp dụng rộng rãi.

Câu 44 **PHẦN I - Câu 10: Khu vực hóa kinh tế không dẫn đến**

A. Tăng cường tự do hóa thương mại ở trong khu vực.

B. Thúc đẩy quá trình mở cửa thị trường các quốc gia.

C. Tăng cường quá trình toàn cầu hóa kinh tế thế giới.

D. Xung đột và cạnh tranh giữa các khu vực với nhau.

Câu 45 **PHẦN I - Câu 11: Các hoạt động nào sau đây thu hút mạnh mẽ nhất nguồn đầu tư nước ngoài?**

A. Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm.

B. Nông nghiệp, thủy lợi, giáo dục.

C. Văn hóa, giáo dục, công nghiệp.

D. Du lịch, công nghiệp, giáo dục.

Câu 46 **PHẦN I - Câu 12: Đặc trưng của các công ti đa quốc gia là**

A. Thúc đẩy thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế.

B. Phát triển nguồn nhân lực trên khắp toàn cầu.

C. Quốc tế hóa, mở rộng hoạt động cấp toàn cầu.

D. Thúc đẩy chuyển giao công nghệ toàn thế giới.

Câu 47 **PHẦN I - Câu 13: Phát biểu nào sau đây không đúng với các thách thức do toàn cầu hóa kinh tế gây ra?**

A. Phải làm chủ được các ngành kinh tế mũi nhọn.

B. Môi trường bị suy thoái trong phạm vi toàn cầu.

C. Áp dụng ngay thành tựu khoa học vào phát triển.

D. Các giá trị đạo đức lâu đời có nguy cơ xói mòn.

Câu 48 **PHẦN I - Câu 14: Phát biểu nào sau đây không đúng với lợi ích do khu vực hóa kinh tế mang lại?**

A. Thúc đẩy quá trình mở cửa thị trường của các quốc gia.

B. Tạo lập những thị trường chung của khu vực rộng lớn.

C. Gia tăng sức ép cho mỗi quốc gia về tính tự chủ kinh tế.

D. Tăng cường thêm quá trình toàn cầu hóa kinh tế thế giới.

Câu 49 **PHẦN I - Câu 15: Khu vực hóa kinh tế là liên kết kinh tế - thương mại giữa**

A. Những khu vực có sự gần gũi nhau.

B. Những nước cùng trình độ phát triển.

C. Các nước có sự tương đồng với nhau.

D. Các nhóm nước có quan hệ với nhau.

Câu 50 **PHẦN I - Câu 16: Vấn đề chủ yếu cần giải quyết của các quốc gia trong liên kết kinh tế khu vực là**

A. Tự chủ về kinh tế và quyền lực quốc gia.

B. Hợp tác thương mại, sản xuất hàng hóa.

C. Trao đổi hàng hóa và mở rộng thị trường.

D. Đào tạo nhân lực và bảo vệ môi trường.

Câu 51 **PHẦN I - Câu 17: Hệ quả tích cực của khu vực hóa kinh tế không phải là**

A. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.

B. Tăng cường tự do hóa thương mại trong khu vực.

C. Góp phần bảo vệ lợi ích kinh tế nước thành viên.

D. Tăng cường sự phụ thuộc giữa các nước với nhau.

Câu 52 **PHẦN I - Câu 18: Sản xuất máy bay Bô-ing là kết quả của 650 công ty thuộc 30 nước. Điều này nói lên đặc điểm chủ yếu nào của thế giới hiện nay?**

A. Có sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia.

B. Sự phân công lao động quốc tế ngày càng sâu.

C. Tác động cách mạng khoa học và công nghệ.

D. Vai trò các công ty đa quốc gia ngày càng lớn.

Câu 53 **PHẦN II - Câu 1a: Khu vực hóa kinh tế là động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 54 **PHẦN II - Câu 1b: Khu vực hóa hướng đến đảm bảo cùng nhau phát triển bền vững.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 55 **PHẦN II - Câu 1c: Mỗi quốc gia chỉ tham gia một tổ chức liên kết kinh tế khu vực.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 56 **PHẦN II - Câu 1d: Liên kết kinh tế khu vực để tăng khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 57 **PHẦN II - Câu 2a: Sự dịch chuyển hàng hóa, dịch vụ, công nghệ, vốn, lao động... giữa các quốc gia ngày càng thuận lợi hơn nhờ quá trình toàn cầu hóa.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 58 **PHẦN II - Câu 2b: Các hợp tác song phương và đa phương đã trở nên phổ biến, nhiều hiệp định được kí kết.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 59 **PHẦN II - Câu 2c: Có nhiều tổ chức khu vực trên thế giới được hình thành với quy mô khác nhau là do tác động của quá trình toàn cầu hóa.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 60 **PHẦN II - Câu 2d: Toàn cầu hóa gây trở ngại chủ yếu cho quá trình xóa đói giảm nghèo, cải thiện chất lượng cuộc sống.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 61 **PHẦN II - Câu 3a: Trị giá thương mại tăng trong giai đoạn 1990 - 2019 đến năm 2020 giảm do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 62 **PHẦN II - Câu 3b: Đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng liên tục từ năm 1990 đến 2020.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 63 **PHẦN II - Câu 3c: Tốc độ tăng năm 2020 so với năm 1990 của trị giá thương mại nhanh hơn của đầu tư trực tiếp nước ngoài.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 64 **PHẦN II - Câu 3d: Biểu đồ kết hợp là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện trị giá thương mại và đầu tư trực tiếp nước ngoài trên thế giới, giai đoạn 1990 - 2020.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 65 **PHẦN II - Câu 4a: Năm 2020 so với năm 2000, giá trị GDP của toàn thế giới tăng nhanh hơn giá trị thương mại.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 66 **PHẦN II - Câu 4b: Năm 2020 so với năm 2000, trị giá thương mại toàn thế giới tăng hơn 2,7 lần.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 67 **PHẦN II - Câu 4c: Giá trị GDP toàn thế giới tăng liên tục trong giai đoạn 2000 - 2020.**

A. Đúng

B. Sai

Câu 68 **PHẦN II - Câu 4d: Năm 2020 so với năm 2018, giá trị GDP và trị giá thương mại toàn thế giới giảm chủ yếu do ảnh hưởng của dịch COVID-19.**

A. Đúng

B. Sai

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?

Quét QR hoặc truy cập: **baitracnghiem.app/tao-bai-trac-nghiem**

Luyện thêm cùng khóa học:

IELTS BREAKER: 89 bài từ vựng IELTS Speaking, học thử miễn phí, trọn bộ 199.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/ielts-breaker

Luyện nghe cơ bản (Basic level): 103 bài luyện nghe, học thử miễn phí, trọn bộ 99.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/luyen-nghe-basic-level-59

diemdanh.app